

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Quản lý kế hoạch giảng dạy

-oOo-

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 17). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 22/12/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
1	841048	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	4	90	Phan Nguyệt Minh	11541	01		4	6	2	C.E402	DKP1241	1234567---12-----
2			4	90	Phan Nguyệt Minh	11541			4	8	3	C.E402	DKP1241	1234567---12-----
3	841048	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	4	90	Phan Nguyệt Minh	11541	01	01	5	3	3	C.E503	DKP1241	1234567---123-----
4	841048	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	4	90	Phan Nguyệt Minh	11541	02		3	1	3	C.HB406	DCT1242	1234567---12-----
5			4	90	Phan Nguyệt Minh	11541			3	4	2	C.HB406	DCT1242	1234567---12-----
6	841048	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	4	90	Phan Nguyệt Minh	11541	02	01	5	6	3	C.E201	DCT1242	1234567---123-----
7	841048	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	4	90	Phan Nguyệt Minh	11541	03		2	6	3	C.E403	DCT1243	1234567---12-----
8			4	90	Phan Nguyệt Minh	11541			2	9	2	C.E403	DCT1243	1234567---12-----
9	841048	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	4	90	Phan Nguyệt Minh	11541	03	01	6	6	3	C.E201	DCT1243	1234567---123-----
10	841048	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	4	90	Huỳnh Nguyễn Khắc Huy	11556	04		5	1	2	C.HB406	DCT1244	1234567---12-----
11			4	90	Huỳnh Nguyễn Khắc Huy	11556			5	3	3	C.HB406	DCT1244	1234567---12-----
12	841048	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	4	90	Huỳnh Nguyễn Khắc Huy	11556	04	01	6	1	3	C.C107	DCT1244	1234567---123-----
13	841048	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	4	90	Trương Tấn Khoa	11384	05		4	6	3	C.E403	DCT1241	1234567---12-----
14			4	90	Trương Tấn Khoa	11384			4	9	2	C.E403	DCT1241	1234567---12-----
15	841048	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	4	90	Trương Tấn Khoa	11384	05	01	5	8	3	C.C107	DCT1241	1234567---123-----
16	841048	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	4	90	Trương Tấn Khoa	11384	06		5	1	2	C.E402	DCT1245	1234567---12-----
17			4	90	Trương Tấn Khoa	11384			5	3	3	C.E402	DCT1245	1234567---12-----
18	841048	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	4	90	Trương Tấn Khoa	11384	06	01	4	1	5	C.A308	DCT1245	123456-----
19	841058	Hệ điều hành mã nguồn mở	3	80	Lương Minh Huấn	11364	01		6	6	2	C.E503	DCT1241	1234567---123-----
20			3	80	Lương Minh Huấn	11364			7	4	2	C.E603	DCT1241	1234567---123-----
21	841058	Hệ điều hành mã nguồn mở	3	80	Lương Minh Huấn	11364	01	01	5	6	2	C.HB403	DCT1241	1234567---123-----
22	841058	Hệ điều hành mã nguồn mở	3	120	Lương Minh Huấn	11364	02		2	1	2	C.E001	DCT1242	1234567---123-----
23			3	120	Lương Minh Huấn	11364			6	1	2	C.E304	DCT1242	1234567---123-----
24	841058	Hệ điều hành mã nguồn mở	3	120	Lương Minh Huấn	11364	02	01	5	9	2	C.E001	DCT1242	1234567---123-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 17). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 22/12/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
25	841058	Hệ điều hành mã nguồn mở	3	80	Nguyễn Trung Tín	11377	03		3	9	2	C.C101	DKP1241	1234567---123-----
26			3	80	Nguyễn Trung Tín	11377			6	1	2	C.E205	DKP1241	1234567---123-----
27	841058	Hệ điều hành mã nguồn mở	3	80	Nguyễn Trung Tín	11377	03	01	6	4	2	C.D401	DKP1241	1234567---123-----
28	841068	Hệ thống thông tin doanh nghiệp	3	90	Lê Nhị Lâm Thúy	11363	01		4	8	3	C.A303	DCT1233,DKP1231	-----1234567890----
29	841068	Hệ thống thông tin doanh nghiệp	3	90	Lê Nhị Lâm Thúy	11363	01	01	2	6	2	C.E402	DCT1233,DKP1231	---4567---12345678901----
30	841070	Thực tập tốt nghiệp (DCT)	6	400			01		2	1	5	TTSP29	DCT1225	-----23456789-----
31			6	400					2	6	5	TTSP29	DCT1225	-----23456789-----
32			6	400					3	1	5	TTSP29	DCT1225	-----23456789-----
33			6	400					3	6	5	TTSP29	DCT1225	-----23456789-----
34			6	400					4	1	5	TTSP29	DCT1225	-----23456789-----
35			6	400					4	6	5	TTSP29	DCT1225	-----23456789-----
36			6	400					5	1	5	TTSP29	DCT1225	-----23456789-----
37			6	400					5	6	5	TTSP29	DCT1225	-----23456789-----
38			6	400					6	1	5	TTSP29	DCT1225	-----23456789-----
39			6	400					6	6	5	TTSP29	DCT1225	-----23456789-----
40			6	400					7	1	5	TTSP29	DCT1225	-----23456789-----
41			6	400					7	6	5	TTSP29	DCT1225	-----23456789-----
42			6	400					8	1	5	TTSP03	DCT1225	-----23456789-----
43			6	400					8	6	5	TTSP03	DCT1225	-----23456789-----
44	841072	Các công nghệ lập trình hiện đại	3	120	Phạm Thị Vương	11426	01		7	6	2	C.E603	DCT1221	---4567---12345678901----
45	841072	Các công nghệ lập trình hiện đại	3	120	Phạm Thị Vương	11426	01	01	7	8	2	C.E403	DCT1221	---4567---12345678901----
46	841072	Các công nghệ lập trình hiện đại	3	120	Phạm Thị Vương	11426	02		7	2	2	C.E603	DKP1221	---4567---12345678901----
47	841072	Các công nghệ lập trình hiện đại	3	120	Phạm Thị Vương	11426	02	01	7	4	2	C.HB406	DKP1221	---4567---12345678901----
48	841107	Ngôn ngữ lập trình Java	4	100	Nguyễn Thị Hồng Anh	11271	01		2	1	3	C.E402	DCT1241	1234567---12-----
49			4	100	Nguyễn Thị Hồng Anh	11271			2	4	2	C.E402	DCT1241	1234567---12-----
50	841107	Ngôn ngữ lập trình Java	4	100	Nguyễn Thị Hồng Anh	11271	01	01	4	1	3	C.E205	DCT1241	1234567---123-----
51	841107	Ngôn ngữ lập trình Java	4	80	Nguyễn Thị Hồng Anh	11271	02		4	6	3	C.HB403	DCT1242	1234567---12-----
52			4	80	Nguyễn Thị Hồng Anh	11271			4	9	2	C.HB403	DCT1242	1234567---12-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 17). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 22/12/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
53	841107	Ngôn ngữ lập trình Java	4	80	Nguyễn Thị Hồng Anh	11271	02	01	6	6	3	C.A308	DCT1242	1234567---123-----
54	841107	Ngôn ngữ lập trình Java	4	80	Nguyễn Thanh Sang	10991	03		2	1	2	C.HB406	DCT1243	1234567---12-----
55			4	80	Nguyễn Thanh Sang	10991			2	3	3	C.HB406	DCT1243	1234567---12-----
56	841107	Ngôn ngữ lập trình Java	4	80	Nguyễn Thanh Sang	10991	03	01	5	3	3	C.E403	DCT1243	1234567---123-----
57	841107	Ngôn ngữ lập trình Java	4	100	Nguyễn Thanh Sang	10991	04		3	1	3	C.E402	DCT1244	1234567---12-----
58			4	100	Nguyễn Thanh Sang	10991			6	9	2	C.HB406	DCT1244	1234567---12-----
59	841107	Ngôn ngữ lập trình Java	4	10	Nguyễn Thanh Sang	10991	04	01	6	6	3	C.HB406	DCT1244	1234567---123-----
60	841107	Ngôn ngữ lập trình Java	4	80	Phùng Thái Thiên Trang	10227	05		2	6	3	C.HB403	DKP1241	1234567---12-----
61			4	80	Phùng Thái Thiên Trang	10227			2	9	2	C.HB403	DKP1241	1234567---12-----
62	841107	Ngôn ngữ lập trình Java	4	80	Phùng Thái Thiên Trang	10227	05	01	6	8	3	1.C004	DKP1241	--34567---12345-----
63	841107	Ngôn ngữ lập trình Java	4	100	Phùng Thái Thiên Trang	10227	06		4	1	3	C.HB406	DNT1241	1234567---12-----
64			4	100	Phùng Thái Thiên Trang	10227			4	4	2	C.HB406	DNT1241	1234567---12-----
65	841107	Ngôn ngữ lập trình Java	4	100	Phùng Thái Thiên Trang	10227	06	01	3	6	3	1.C004	DNT1241	--34567---12345-----
66	841108	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	80	Nguyễn Duy Hàm	11717	01		3	1	2	C.HB403	DCT1251	1234567---12-----
67			4	80	Nguyễn Duy Hàm	11717			3	3	3	C.HB403	DCT1251	1234567---12-----
68	841108	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	80	Nguyễn Duy Hàm	11717	01	01	4	3	3	C.D401	DCT1251	1234567---123-----
69	841108	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	100	Nguyễn Duy Hàm	11717	02		3	6	3	C.E402	DCT1252	1234567---12-----
70			4	100	Nguyễn Duy Hàm	11717			3	9	2	C.E402	DCT1252	1234567---12-----
71	841108	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	100	Nguyễn Duy Hàm	11717	02	01	4	6	3	C.E205	DCT1252	1234567---123-----
72	841108	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	80	Nguyễn Thanh Phước	11675	03		2	1	2	C.HB403	DCT1253	1234567---12-----
73			4	80	Nguyễn Thanh Phước	11675			2	3	3	C.HB403	DCT1253	1234567---12-----
74	841108	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	80	Nguyễn Thanh Phước	11675	03	01	7	1	3	C.E103	DCT1253	1234567---123-----
75	841108	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	80	Lê Tấn Long	11610	04		6	6	2	C.HB403	DKP1251	1234567---12-----
76			4	80	Lê Tấn Long	11610			6	8	3	C.HB403	DKP1251	1234567---12-----
77	841108	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	80	Lê Tấn Long	11610	04	01	4	8	3	C.E302	DKP1251	1234567---123-----
78	841108	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	120	Phạm Thế Bảo	11381	05		3	6	3	C.E403	DNT1251	1234567---12-----
79			4	120	Phạm Thế Bảo	11381			3	9	2	C.E403	DNT1251	1234567---12-----
80	841108	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	120	Phạm Thế Bảo	11381	05	01	2	6	3	C.E205	DNT1251	1234567---123-----
81	841110	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	4	80	Đỗ Như Tài	11742	01		7	6	2	C.D401	DCT1245	1234567---12-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 17). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 22/12/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
82	841110	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	4	80	Đỗ Như Tài	11742	01		7	8	3	C.E001	DCT1245	1234567---12-----
83	841110	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	4	80	Đỗ Như Tài	11742	01	01	2	1	3	C.C101	DCT1245	1234567---123-----
84	841110	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	4	100	Đỗ Như Tài	11742	02		2	6	2	C.HB406	DCT1241	1234567---12-----
85			4	100	Đỗ Như Tài	11742			2	8	3	C.HB406	DCT1241	1234567---12-----
86	841110	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	4	100	Đỗ Như Tài	11742	02	01	7	1	3	C.E304	DCT1241	1234567---123-----
87	841110	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	4	80	Huỳnh Minh Trí	20766	03		4	1	3	C.HB403	DCT1243	1234567---12-----
88			4	80	Huỳnh Minh Trí	20766			4	4	2	C.HB403	DCT1243	1234567---12-----
89	841110	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	4	80	Huỳnh Minh Trí	20766	03	01	6	1	3	C.B107	DCT1243	1234567---123-----
90	841110	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	4	120	Huỳnh Minh Trí	20766	04		4	6	3	C.HB406	DCT1244	---4567---12345-----
91			4	120	Huỳnh Minh Trí	20766			4	9	2	C.HB406	DCT1244	---4567---12345-----
92	841110	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	4	120	Huỳnh Minh Trí	20766	04	01	7	6	3	C.E201	DCT1244	--34567---12345-----
93	841110	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	4	80	Huỳnh Minh Trí	20766	05		5	8	3	l.A201	DCT1245	--34567---1234-----
94			4	80	Huỳnh Minh Trí	20766			7	4	2	C.E203	DCT1245	--34567---1234-----
95	841110	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	4	80	Huỳnh Minh Trí	20766	05	01	7	1	3	C.E203	DCT1245	--34567---12345-----
96	841110	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	4	100	Lê Tấn Long	11610	06		3	4	2	C.E402	DKP1241	1234567---12-----
97			4	100	Lê Tấn Long	11610			3	6	3	C.HB406	DKP1241	1234567---12-----
98	841110	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	4	100	Lê Tấn Long	11610	06	01	7	6	3	C.E205	DKP1241	1234567---123-----
99	841110	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	4	90	Lê Tấn Long	11610	07		7	4	2	C.HB403	DNT1241	1234567---12-----
100			4	90	Lê Tấn Long	11610			7	9	2	C.HB403	DNT1241	1234567---12-----
101	841110	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	4	90	Lê Tấn Long	11610	07	01	3	1	3	C.E205	DNT1241	1234567---123-----
102	841113	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3	90	Từ Lăng Phiêu	11636	01		2	6	3	C.A308	DCT1231	-----1234567890----
103	841113	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3	90	Từ Lăng Phiêu	11636	01	01	4	9	2	C.D401	DCT1231	---4567---12345678901----
104	841113	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3	90	Từ Lăng Phiêu	11636	02		2	3	3	C.A303	DCT1232	-----1234567890----
105	841113	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3	90	Từ Lăng Phiêu	11636	02	01	5	4	2	C.HB403	DCT1232	---4567---12345678901----
106	841113	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3	90	Từ Lăng Phiêu	11636	03		4	3	3	C.A303	DKP1231	-----1234567890----
107	841113	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3	90	Từ Lăng Phiêu	11636	03	01	5	1	2	C.E403	DKP1231	---4567---12345678901----
108	841303	Kỹ thuật lập trình	4	50	Trịnh Tấn Đạt	11383	01		5	1	3	C.E501	DCT1251	1234567---12-----
109			4	50	Trịnh Tấn Đạt	11383			5	4	2	C.E501	DCT1251	1234567---12-----
110	841303	Kỹ thuật lập trình	4	50	Nguyễn Trung Tín	11377	01	01	3	6	3	C.A209	DCT1251	1234567---123-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 17). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 22/12/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
111	841303	Kỹ thuật lập trình	4	50	Phan Tấn Quốc	10631	02		2	1	3	C.A109	DCT1252	1234567---12-----
112			4	50	Phan Tấn Quốc	10631			2	4	2	C.A109	DCT1252	1234567---12-----
113	841303	Kỹ thuật lập trình	4	50	Nguyễn Trung Tín	11377	02	01	6	6	3	C.A109	DCT1252	1234567---123-----
114	841303	Kỹ thuật lập trình	4	50	Lai Đình Khải	10063	03		4	1	2	C.E504	DCT1253	1234567---12-----
115			4	50	Lai Đình Khải	10063			5	3	3	C.A108	DCT1253	1234567---12-----
116	841303	Kỹ thuật lập trình	4	50	Lai Đình Khải	10063	03	01	4	3	3	C.A209	DCT1253	1234567---123-----
117	841303	Kỹ thuật lập trình	4	50	Hà Thanh Dũng	11544	04		3	6	2	C.E103	DCT1254	1234567---12-----
118			4	50	Hà Thanh Dũng	11544			3	8	3	C.E501	DCT1254	1234567---12-----
119	841303	Kỹ thuật lập trình	4	50	Hà Thanh Dũng	11544	04	01	2	8	3	C.D401	DCT1254	1234567---123-----
120	841303	Kỹ thuật lập trình	4	50	Hà Thanh Dũng	11544	05		2	1	3	C.E601	DCT1255	1234567---12-----
121			4	50	Hà Thanh Dũng	11544			2	4	2	C.B003	DCT1255	1234567---12-----
122	841303	Kỹ thuật lập trình	4	50	Hà Thanh Dũng	11544	05	01	3	3	3	C.A209	DCT1255	1234567---123-----
123	841303	Kỹ thuật lập trình	4	50	Trần Việt Chương	11798	06		3	6	3	C.A109	DKP1251	1234567---12-----
124			4	50	Trần Việt Chương	11798			3	9	2	C.A109	DKP1251	1234567---12-----
125	841303	Kỹ thuật lập trình	4	50	Trần Việt Chương	11798	06	01	2	3	3	C.A209	DKP1251	1234567---123-----
126	841303	Kỹ thuật lập trình	4	50	Trần Nguyễn Minh Hiếu	10615	07		4	1	2	C.E103	DKP1252	1234567---1234-----
127			4	50	Trần Nguyễn Minh Hiếu	10615			5	1	2	C.E103	DKP1252	1234567---1234-----
128	841303	Kỹ thuật lập trình	4	50	Trần Nguyễn Minh Hiếu	10615	07	01	5	3	3	C.D401	DKP1252	1234567---123-----
129	841303	Kỹ thuật lập trình	4	50	Trịnh Tấn Đạt	11383	08		5	6	2	C.E103	DNT1251	1234567---12-----
130			4	50	Trịnh Tấn Đạt	11383			5	8	3	C.E103	DNT1251	1234567---12-----
131	841303	Kỹ thuật lập trình	4	50	Nguyễn Trung Tín	11377	08	01	4	6	3	C.D401	DNT1251	1234567---123-----
132	841404	Mạng máy tính	3	50	Lương Minh Huân	11364	01		6	3	3	C.E103	DCT1251	1234567---123-----
133	841404	Mạng máy tính	3	50	Lương Minh Huân	11364	01	01	2	3	3	C.D401	DCT1251	1234567---123-----
134	841404	Mạng máy tính	3	50	Trần Việt Chương	11798	02		3	3	3	C.A210	DCT1252	1234567---123-----
135	841404	Mạng máy tính	3	50	Trần Việt Chương	11798	02	01	2	6	3	C.A109	DCT1252	1234567---123-----
136	841404	Mạng máy tính	3	50	Nguyễn Quốc Phong	11562	03		3	8	3	C.B103	DCT1253	1234567---123-----
137	841404	Mạng máy tính	3	50	Nguyễn Quốc Phong	11562	03	01	6	3	3	C.A210	DCT1253	1234567---123-----
138	841404	Mạng máy tính	3	50	Nguyễn Quốc Phong	11562	04		2	1	3	C.E504	DCT1254	1234567---123-----
139	841404	Mạng máy tính	3	50	Nguyễn Quốc Phong	11562	04	01	4	6	3	C.A209	DCT1254	1234567---123-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 17). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 22/12/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
140	841404	Mạng máy tính	3	50	Cổ Tồn Minh Đăng	10094	05		4	8	3	C.B003	DCT1255	1234567---123-----
141	841404	Mạng máy tính	3	50	Cổ Tồn Minh Đăng	10094	05	01	5	6	3	C.A209	DCT1255	1234567---123-----
142	841404	Mạng máy tính	3	50	Cổ Tồn Minh Đăng	10094	06		2	6	3	C.E103	DKP1251	1234567---123-----
143	841404	Mạng máy tính	3	50	Cổ Tồn Minh Đăng	10094	06	01	6	1	3	C.HB403	DKP1251	1234567---123-----
144	841407	Các hệ quản trị cơ sở dữ liệu	4	80	Lê Nhị Lâm Thúy	11363	01		4	6	2	C.A308	DCT1233	-----12345678901----
145			4	80	Lê Nhị Lâm Thúy	11363			6	1	2	C.A308	DCT1233	-----12345678901----
146	841407	Các hệ quản trị cơ sở dữ liệu	4	80	Lê Nhị Lâm Thúy	11363	01	01	5	6	3	C.A103	DCT1233	-----1234567890-----
147	841407	Các hệ quản trị cơ sở dữ liệu	4	100	Lê Nhị Lâm Thúy	11363	02		3	6	2	C.A102	DKP1231	-----12345678901----
148			4	100	Lê Nhị Lâm Thúy	11363			6	3	2	C.A308	DKP1231	-----12345678901----
149	841407	Các hệ quản trị cơ sở dữ liệu	4	100	Lê Nhị Lâm Thúy	11363	02	01	3	8	3	C.A102	DKP1231	-----1234567890-----
150	841408	Kiểm thử phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	01		3	1	2	C.A303	DKP1231	-----12345678901----
151			4	90	Từ Lăng Phiêu	11636			4	6	2	C.A303	DKP1231	-----12345678901----
152	841408	Kiểm thử phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	01	01	3	3	3	C.A308	DKP1231	-----1234567890-----
153	841410	An ninh mạng máy tính	4	90	Nguyễn Võ Lam Giang	10944	01		5	6	3	C.E304	DCT1234,DKP1231	---4567---12345678901----
154	841410	An ninh mạng máy tính	4	90	Nguyễn Võ Lam Giang	10944	01	01	5	9	2	C.E304	DCT1234,DKP1231	---4567---12345678901----
155	841413	Cơ sở dữ liệu phân tán	4	90	Huỳnh Nguyễn Khắc Huy	11556	01		3	3	2	C.A303	DCT1233	-----1234567890-----
156			4	90	Huỳnh Nguyễn Khắc Huy	11556			6	4	2	C.E304	DCT1233	-----1234567890-----
157	841413	Cơ sở dữ liệu phân tán	4	90	Huỳnh Nguyễn Khắc Huy	11556	01	01	3	1	2	C.E403	DCT1233	---4567---12345678901----
158	841414	Thiết kế và phân tích giải thuật	3	130	Nguyễn Hòa	10943	01		2	1	2	1.A202	DCT1231	---4567---1234567-----
159			3	130	Nguyễn Hòa	10943			3	4	2	1.B101	DCT1231	---4567---1234567-----
160	841414	Thiết kế và phân tích giải thuật	3	120	Nguyễn Hòa	10943	02		3	9	2	1.A101	DCT1232	---4567---1234567-----
161			3	120	Nguyễn Hòa	10943			4	4	2	1.A202	DCT1232	---4567---1234567-----
162	841414	Thiết kế và phân tích giải thuật	3	110	Nguyễn Hòa	10943	03		2	9	2	1.B003	DCT1233	---4567---1234567-----
163			3	110	Nguyễn Hòa	10943			5	4	2	1.C004	DCT1233	---4567---1234567-----
164	841414	Thiết kế và phân tích giải thuật	3	120	Nguyễn Hòa	10943	04		3	1	2	1.A202	DCT1234	---4567---1234567-----
165			3	120	Nguyễn Hòa	10943			4	6	2	1.B003	DCT1234	---4567---1234567-----
166	841414	Thiết kế và phân tích giải thuật	3	120	Nguyễn Hòa	10943	05		4	9	2	1.A202	DCT1235	---4567---1234567-----
167			3	120	Nguyễn Hòa	10943			5	9	2	1.A202	DCT1235	---4567---1234567-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 17). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 22/12/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
168	841415	Luật pháp và CNTT	2	140	Quách Thị Ngọc Thiện	11657	01		3	6	3	C.C103	DCT1241	1234567---123-----
169	841415	Luật pháp và CNTT	2	100	Quách Thị Ngọc Thiện	11657	02		4	3	3	C.A208	DKP1241	1234567---1--45-----
170	841423	Ngôn ngữ lập trình C#	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	01		2	9	2	C.A308	DCT1231	-----12345678901----
171			4	90	Từ Lăng Phiêu	11636			3	9	2	C.A303	DCT1231	-----12345678901----
172	841423	Ngôn ngữ lập trình C#	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	01	01	3	6	2	C.D401	DCT1231	---4567---12345678901----
173	841423	Ngôn ngữ lập trình C#	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	02		7	1	3	C.A308	DCT1232	---4567---12345678901----
174	841423	Ngôn ngữ lập trình C#	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	02	01	2	1	2	C.D401	DCT1232	---4567---12345678901----
175	841434	Thương mại điện tử và ứng dụng	4	120	Hoàng Mạnh Hà	10875	01		2	3	3	C.E403	DKP1231	---4567---12345678901----
176	841434	Thương mại điện tử và ứng dụng	4	120	Hoàng Mạnh Hà	10875	01	01	2	1	2	C.E403	DKP1231	---4567---12345678901----
177	841438	Lập trình ứng dụng mạng	4	70	Nguyễn Võ Lam Giang	10944	01		6	6	3	C.E103	DCT1234	---4567---12345678901----
178	841438	Lập trình ứng dụng mạng	4	70	Nguyễn Võ Lam Giang	10944	01	01	6	9	2	C.E103	DCT1234	---4567---12345678901----
179	841439	Mạng không dây	4	40	Nguyễn Trung Tín	11377	01		5	6	3	1.C105	DCT1224	---4567---12345678901----
180	841439	Mạng không dây	4	40	Nguyễn Trung Tín	11377	01	01	5	9	2	1.C105	DCT1224	---4567---12345678901----
181	841440	Phân tích và thiết kế mạng máy tính	4	90	Lương Minh Huấn	11364	01		5	1	2	C.A308	DCT1234	-----12345678901----
182			4	90	Lương Minh Huấn	11364			7	1	2	C.E201	DCT1234	-----12345678901----
183	841440	Phân tích và thiết kế mạng máy tính	4	90	Lương Minh Huấn	11364	01	01	5	3	3	C.A308	DCT1234	-----1234567890-----
184	841442	Mạng đa phương tiện và di động (ngành CNTT)	3	40	Huỳnh Lê Minh Thiện	11137	01		6	1	3	1.C101	DCT1224	---4567---12345678901----
185	841446	Phân tích và xử lý ảnh	4	90	Phạm Thế Bảo	11381	01		3	1	3	C.E001	DCT1235	---4567---12345678901----
186	841446	Phân tích và xử lý ảnh	4	90	Phạm Thế Bảo	11381	01	01	2	9	2	C.E402	DCT1235	---4567---12345678901----
187	841447	Khai thác dữ liệu và ứng dụng	4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675	01		4	1	2	C.A308	DCT1235	-----12345678901----
188			4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675			5	3	2	C.A303	DCT1235	-----12345678901----
189	841447	Khai thác dữ liệu và ứng dụng	4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675	01	01	4	3	3	C.A308	DCT1235	-----1234567890-----
190	841447	Khai thác dữ liệu và ứng dụng	4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675	02		3	6	2	C.A308	DCT1236	-----12345678901----
191			4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675			5	1	2	C.A303	DCT1236	-----12345678901----
192	841447	Khai thác dữ liệu và ứng dụng	4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675	02	01	3	8	3	C.A308	DCT1236	-----1234567890-----
193	841448	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	4	90	Nguyễn Tuấn Đăng	11453	01		6	1	2	1.C004	DNT1241	--34567---1234-----
194			4	90	Nguyễn Tuấn Đăng	11453			7	1	3	C.A411	DNT1241	--34567---1234-----
195	841448	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	4	90	Nguyễn Tuấn Đăng	11453	01	01	7	6	3	C.HB403	DNT1241	--34567---12345-----
196	841456	Công nghệ tri thức	4	90	Huỳnh Minh Trí	20766	01		7	9	3	C.E503	DCT1235	---4567---12345678901----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 17). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 22/12/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
197	841456	Công nghệ tri thức	4	90	Huỳnh Minh Trí	20766	01	01	6	4	2	C.HB406	DCT1235	---4567---12345678901----
198	841462	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động (ngành KTPM)	4	90	Trần Đình Nghĩa	10601	01		2	1	2	C.A308	DKP1221	-----12345678901----
199			4	90	Trần Đình Nghĩa	10601			3	1	2	C.A308	DKP1221	-----12345678901----
200	841462	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động (ngành KTPM)	4	90	Trần Đình Nghĩa	10601	01	01	2	3	3	C.A308	DKP1221	-----1234567890-----
201	841463	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động nâng cao	4	120	Phan Nguyệt Minh	11541	01		2	3	3	C.B108	DCT1221	---4567---12345678901----
202	841463	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động nâng cao	4	120	Phan Nguyệt Minh	11541	01	01	2	1	2	C.E304	DCT1221	---4567---12345678901----
203	841463	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động nâng cao	4	120	Phan Nguyệt Minh	11541	02		4	1	3	C.E403	DCT1222	---4567---12345678901----
204	841463	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động nâng cao	4	120	Phan Nguyệt Minh	11541	02	01	4	4	2	C.E403	DCT1222	---4567---12345678901----
205	841463	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động nâng cao	4	120	Phan Nguyệt Minh	11541	03		6	1	3	C.E402	DCT1223	---4567---12345678901----
206	841463	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động nâng cao	4	120	Phan Nguyệt Minh	11541	03	01	6	4	2	C.E402	DCT1223	---4567---12345678901----
207	841464	Lập trình Web và ứng dụng nâng cao	4	90	Cao Thái Phương Thanh	10220	01		7	1	2	C.E205	DCT1242	1234567---12345-----
208			4	90	Cao Thái Phương Thanh	10220			7	3	3	C.E205	DCT1242	1234567---12345-----
209	841464	Lập trình Web và ứng dụng nâng cao	4	90	Nguyễn Thanh Sang	10991	02		6	1	3	C.E503	DCT1241	1234567---12345-----
210			4	90	Nguyễn Thanh Sang	10991			6	4	2	C.E503	DCT1241	1234567---12345-----
211	841464	Lập trình Web và ứng dụng nâng cao	4	90	Nguyễn Thanh Sang	10991	03		5	6	2	C.E503	DKP1241	1234567---12345-----
212			4	90	Nguyễn Thanh Sang	10991			5	8	3	C.E503	DKP1241	1234567---12345-----
213	841464	Lập trình Web và ứng dụng nâng cao	4	90	Nguyễn Thanh Sang	10991	04		7	1	3	C.E503	DCT1243	1234567---12345-----
214			4	90	Nguyễn Thanh Sang	10991			7	4	2	C.E503	DCT1243	1234567---12345-----
215	841476	Đồ án chuyên ngành (ngành CNTT, ngành KTPM)	4	80	Phan Tấn Quốc	10631	01		7	1	3	C.A412	DCT1221	---4567---12345678-----
216			4	80	Phan Tấn Quốc	10631			7	4	2	C.A412	DCT1221	---4567---12345678-----
217	841476	Đồ án chuyên ngành (ngành CNTT, ngành KTPM)	4	80	Trịnh Tấn Đạt	11383	02		3	6	2	1.C102	DCT1222	---4567---12345678-----
218			4	80	Trịnh Tấn Đạt	11383			3	8	3	1.C202	DCT1222	---4567---12345678-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 17). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 22/12/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
219	841476	Đồ án chuyên ngành (ngành CNTT, ngành KTPM)	4	80	Trần Đình Nghĩa	10601	03		3	6	2	1.C105	DKP1221	---4567---12345678-----
220			4	80	Trần Đình Nghĩa	10601			3	8	3	1.C105	DKP1221	---4567---12345678-----
221	841480	Xây dựng phần mềm theo mô hình phân lớp (2020)	4	90	Cao Minh Thành	10011	01		6	6	3	C.E403	DCT1231	---4567---12345678901----
222	841480	Xây dựng phần mềm theo mô hình phân lớp (2020)	4	90	Cao Minh Thành	10011	01	01	6	9	2	C.E403	DCT1231	---4567---12345678901----
223	841480	Xây dựng phần mềm theo mô hình phân lớp (2020)	4	90	Cao Minh Thành	10011	02		5	6	3	C.E403	DCT1232	---4567---12345678901----
224	841480	Xây dựng phần mềm theo mô hình phân lớp (2020)	4	90	Cao Minh Thành	10011	02	01	5	9	2	C.E403	DCT1232	---4567---12345678901----
225	841481	Thiết kế giao diện	4	90	Phạm Thi Vương	11426	01		5	6	3	C.E603	DCT1231	---4567---12345678901----
226	841481	Thiết kế giao diện	4	90	Phạm Thi Vương	11426	01	01	5	9	2	C.E402	DCT1231	---4567---12345678901----
227	841481	Thiết kế giao diện	4	90	Phạm Thi Vương	11426	02		6	6	3	C.E603	DKP1231	---4567---12345678901----
228	841481	Thiết kế giao diện	4	90	Phạm Thi Vương	11426	02	01	6	9	2	C.E402	DKP1231	---4567---12345678901----
229	841482	Seminar chuyên đề (ngành CNTT, ngành KTPM)	3	120	Nguyễn Quốc Huy	10600	01		7	6	3	C.E502	DCT1222	---4567---12345678901----
230	841482	Seminar chuyên đề (ngành CNTT, ngành KTPM)	3	120	Nguyễn Tuấn Đăng	11453	02		6	9	3	1.A202	DKP1221	---4567---12345678901----

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu